

Số: 248/TM-BVLC
V/v mời chào giá các mặt hàng HCXN,
VTYT, SPCĐ

Lang Chánh, ngày 24 tháng 8 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Để có cơ sở cho việc xây dựng giá kế hoạch, Bệnh viện đa khoa Lang Chánh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu mua sắm VTYT, HCXN, SPCĐ tháng 9 năm 2023 với nội dung cụ thể sau

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh, địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa. (số điện thoại: 02373874006).

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá : Lê Thị Dung, khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ mail: dungle181296@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá :

Nhận trực tiếp hoặc thư xin gửi về khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá từ 16h30 ngày 24 tháng 8 năm 2023 đến 16h30 ngày 04 tháng 9 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực báo giá : Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục (có danh mục đính kèm)

Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh

Địa chỉ: Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.

2. Thời gian giao hàng dự kiến : 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

3. Dự kiến về các khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng : thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hóa đơn, chứng từ

(Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển)

Rất mong sự hồi đáp của Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
ĐA KHOA
HUYỆN
LANG CHÁNH
Ngô Công nghiêm

STT	Tên hàng vật tư, HCXN,SPCĐ	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng dự kiến	Đơn vị tính
I	Hóa chất dùng cho máy huyết học SYSMEX - Mode: XP 100			
1	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	THÀNH PHẦN Natri sunfat: 0,3% Natri clorua :0,9% Diodium hydrogenorthophosphate: 0,1% Formaldehyde:0,05% Dodecan -1-ol,ethoxylated:0,4% Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 50ML	50	ml
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride :3,9 % Dodecan-1-ol,ethoxylated:0,15 % Trometamol: 0.06 % Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 500ML	2.500	ml
3	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	THÀNH PHẦN Natri sunfat: 0,3% Natri clorua :0,9% Disodium dihydrogen ethylenediaminetetraacetate:0.1% Imidazole:0,05% Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 20L	20.000	ml
II	Hóa chất dùng cho máy huyết học Moldel: Humacount 60 ts; 80ts- Hãng SX: Human/Đức			
4	Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount	Dùng cho máy huyết học Moldel: Humacount 60 ts; 80ts- Hãng SX: Human/Đức	40.000	ml
5	Dung dịch rửa máy sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount	dùng cho máy huyết học Moldel: Humacount 60 ts; 80ts- Hãng SX: Human/Đức	1.000	ml
III	Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 thông số - Human			

6	Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 13 thông số	Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 thông số - Human Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (0.6%), Urobikinogen (0.2%), Ketones (5.7%), Ascorbis acid (0.8%), Glucose, Protein(0.1%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity, Creatinine (4.8%), Microalbumin (2.2%) Que thử không chuyển sang màu sau khi hoàn tất xét nghiệm Không lan màu trong khoảng pH và tỷ trọng nước tiểu Màu khác nhau theo tùy thông số. Đọc kết quả nhanh bằng mắt thường hoặc bằng máy	2.000	test
IV	Hóa chất dùng cho máy sinh hóa AU480 Hãng: Berkman conlter			
7	Hóa chất định lượng GPT (ALT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.6 - 800 U/L . Thành phần: A. Thuốc thử : Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3. B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	500	ml
8	Hóa chất định lượng GOT(AST)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.67 - 800 U/L. Thành phần: A. Thuốc thử : Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8. B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	500	ml
9	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: Glycerol phosphate	500	ml

		oxidase/oxidase. Dải đo: 0.05 - 6.78 mmol/L. Thành phần: A. Thuốc thử (10 lọ x 50 mL) chứa: đệm PIPES (piperazin-N,N'-bis(acid 2-ethanesulfonic)) 45 mmol/L, magie clorid 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0.		
10	Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L	200	ml
11	Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.. Phương pháp đo: JAFFÉ COMPENSATED. Dải đo: 3.5 - 1768 μ mol/L . Thành phần: A. Thuốc thử (5 lọ x 50 mL) chứa: Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa B. Thuốc thử (5 lọ x 50 mL) chứa: Acid picric 25 mmol/L.	500	ml
V	Sinh phẩm chuẩn đoán			
12	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh; Huyết tương Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp & IgG thô; Vạch kết quả: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp; Vạch chứng: Kháng thể dẻ kháng IgG thô. Tiêu chuẩn ISO 13485	100	Test
VI	Vật tư tiêu hao			
13	Kim châm cứu các số	Kim có cán đồng có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Được đóng gói Vô trùng. Kích thước 0,30mmx13mm; 0,30mmx25mm; 0,30mmx40mm; 0,3mmx50mm; 0,3mmx60mm; 0,3mmx75mm 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,25mmx75mm 0,22mmx25mm	18.000	Cái

14	Chỉ phẫu thuật Oryl số 1	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim được phủ silicon và thép không gỉ. Chất liệu Polyglycolic acid được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. Tiêu hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày; Sức căng còn 75% sau 14 ngày; 50% sau 21 ngày. Đóng gói vô trùng	84	Sợi
15	Lưỡi dao mổ số 21	Lưỡi dao mổ tiết trùng số 21. Chất liệu Carbon, các cỡ khác nhau số 10, 11, 15, 20, 21, lắp được vào tất cả cán giao mổ kim loại, nhựa...Sử dụng một lần	100	Cái
16	Bộ phụ kiện máy xông khí dung (mask khí dung)	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt, không chứa độc tố DEHP - Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung. - Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m. - Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. - Bao gồm mặt nạ, khí dung, ống oxy, thắt lưng đàn hồi, nhôm flake và kết nối. Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng một sương mù hít vào phổi. Tiết trùng bằng khí EO - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.Gồm các size : S, M, L, XL	10	Bộ
17	Mũ phẫu thuật tiết trùng	Mũ phẫu thuật tiết trùng 01 cái / gói	300	Cái
18	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân dùng đo nhiệt độ cơ thể ở 3 vị trí khác nhau: Miệng, nách và hậu môn. Có vạch chia độ rõ nét giúp người dùng dễ quan sát và đọc được nhiệt độ.	12	Cái
VII	Vật tư răng			
19	Nong ống tủy	Chất liệu thép không rỉ.Có chiều dài 18,21,25,28,31mm các số 06,08,10,15,20,25,30,35,40...140	30	Cái

20	Rũa ống tuỷ	Chất liệu thép không rỉ.Có chiều dài 18,21,25,28,31mm các số 06,08,10,15,20,25,30,35,40...140	30	Cái
21	ALFASEP CLEANSER 2	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	2.000	ml
22	Cốc uống thuốc	cốc nhựa/ giấy dùng 1 lần	100	cái
23	Fuji I	Xi măng gắn chốt	1	hộp
24	Keo dán nha khoa	Sử dụng trong phục hình trực tiếp hoặc gián tiếp bằng Composite hoặc Ceramic. Sửa chữa các miếng trám composite bị nứt vỡ.	2	Lọ